

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 552/2026/DS-ST
Ngày 31-7-2026
V/v “*tranh chấp tiền nợ hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Mến.

2/ Bà Lê Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 525/2026/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2026 về “tranh chấp về tiền nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1032/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Ngô Kim P**, sinh năm 1970. Căn cước công dân: 092170000691. (Có mặt).

Địa chỉ: **Số B khu V, phường C, thành phố Cần Thơ.**

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm C**, sinh năm 1993. Căn cước công dân: 092193014890. (Vắng mặt).

Địa chỉ: **Số E khu V, phường H, thành phố Cần Thơ.**

- Người làm chứng:

1/ Bà **Trần Thị Thu S**, sinh năm 1972. Căn cước công dân: 092172000764. (Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: **Số C khu V, phường C, thành phố Cần Thơ.**

2/ Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1965. Căn cước công dân: 092065002891. (Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: **Số C khu V, phường C, thành phố Cần Thơ.**

3/ Bà **Đoàn Thanh H**, sinh năm 1991. Căn cước công dân: 092191003938.

(Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số C khu V, phường C, thành phố Cần Thơ.

4/ Bà Ngô Thị Minh D, sinh năm 1963. (Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số C khu V, phường C, thành phố Cần Thơ.

5/ Bà Lê Thị D1, sinh năm 1943. Căn cước công dân: 092143002442. (Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số C khu V, phường C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Kim P trình bày: Bà là chủ hội tại địa phương từ lâu, năm 2022 bà C (là người địa phương) tham gia chơi 05 dây hội (gồm hội tháng, hội tuần). Quá trình chơi hội bà C nhiều lần hót hội, bà đã giao đủ tiền nhưng sau đó bà C vi phạm, không tiếp tục góp hội, cụ thể:

1. Dây hội tháng mở ngày 10/1/2022, có 24 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, bà C tham gia 02 phần và đã hót hết 02 phần. Phần 01 hót vào lần góp hội thứ 7 ngày 10/7/2022, phần 02 hót vào lần góp hội thứ 10 ngày 10/10/2022, góp hội đến tháng 6/2023 thì ngưng, còn lại 07 lần chưa góp: $(1.000.000 \text{ đồng} \times 07 \text{ lần}) \times 02 \text{ phần} = 14.000.000 \text{ đồng}$; Dây hội kết thúc vào tháng 12/2023.

2. Dây hội tháng mở ngày 10/02/2023 (âm lịch), có 23 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, bà C tham gia 01 phần và đã hót đầu 550.000 đồng. Bà C góp được 04 tháng, từ tháng 5/2023 đến 12/2024 thì ngưng, còn lại 19 lần chưa góp: $2.000.000 \text{ đồng} \times 19 \text{ lần} = 38.000.000 \text{ đồng}$. Dây hội kết thúc vào tháng 12/2024

3. Dây hội tháng mở ngày 20/2/2023 (âm lịch), có 26 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, bà C tham gia 01 phần và đã hót đầu 600.000 đồng. Bà C góp hội đến tháng 5/2023, ngưng góp từ tháng 6/2023, còn lại 21 lần chưa góp: $2.000.000 \text{ đồng} \times 21 \text{ lần} = 42.000.000 \text{ đồng}$. Dây hội kết thúc vào tháng 02/2025.

4. Dây hội tháng mở ngày 25/3/2022 (âm lịch), có 25 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, bà C tham gia 02 phần. Phần 01 hót đầu vào ngày 25/7/2022, phần 02 hót vào lần thứ 05 ngày 25/5/2025, góp hội đến tháng 6/2023 thì ngưng, còn lại 09 lần chưa góp: $(2.000.000 \text{ đồng} \times 09 \text{ lần}) \times 02 \text{ phần} = 36.000.000 \text{ đồng}$. Dây hội kết thúc vào tháng 3/2024.

5. Dây hội tuần mở ngày 03/4/2023 (âm lịch), có 38 phần, mỗi phần 300.000 đồng, bà C tham gia 05 phần, hót lần đầu (lần 01) ngày 03/4/2023, lần 02 ngày 10/4/2023, lần 05 ngày 01/5/2023, lần 07 ngày 15/5/2023, lần 08 ngày 22/5/2023. Từ ngày 02/5 bà C đã ngưng góp hội, ngày 09/01/2024 dây hội đã kết thúc. Bà C còn lại 30 lần không góp hội: $(300.000 \text{ đồng} \times 30 \text{ lần}) \times 05 \text{ phần} = 45.000.000 \text{ đồng}$.

Ngoài ra, trước đó bà C còn nợ hội của bà nhiều lần cộng dồn lại với số tiền 40.900.000 đồng chưa trả.

Tổng số tiền hụi bà C nợ 215.900.000 đồng

Bà còn nhiều lần cho bà C vay, mượn tiền với tổng số tiền 130.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 01: Ngày 04/12/2022 (âm lịch) vay 20.000.000 đồng, lãi 03%/tháng;

Lần 02: Ngày 9/12/2022 (âm lịch) vay 20.000.000 đồng, lãi 03%/tháng;

Lần 03: Ngày 14/9/2022 (âm lịch) vay 20.000.000, lãi 03%/tháng;

Lần 04: Ngày 19/2/2023 (âm lịch) vay 20.000.000 đồng để trả tiền đặt nhà hàng sinh nhật con ruột bà C;

Lần 05: Ngày 24/4/2023 (âm lịch) vay 20.000.000 đồng;

Lần 06: Ngày 25/02/2023 (âm lịch) vay 10.000.000 đồng đi khám bệnh cho con;

Lần 07: Ngày 22/01/2023 (âm lịch) vay 20.000.000 đồng, lãi 03%/tháng.

Hiện, bà C đã cố tình lẩn trốn, không ra mặt để giải quyết nợ, cả vợ chồng bà đều thách thức thưa kiện. Bà P khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Chi trả nợ hụi 215.900.000 đồng và nợ vay 130.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm C: Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết kết hợp với đăng tin tại địa chỉ cư trú của bà C nhưng bà vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được lời khai, ý kiến của bà về việc khởi kiện.

Những người làm chứng gồm bà Trần Thị Thu S, ông Lê Văn T, bà Đoàn Thanh H, bà Ngô Thị Minh Đ và bà Lê Thị Đ1 có bản tự khai đề ngày 17/6/2026 khai: Bà P là chủ hụi ở địa phương, là hàng xóm gần nhà. Ông bà là những người chơi hụi của bà P, loại hụi tháng, hụi tuần. Trong quá trình chơi hụi, các dây hụi đều có bà Nguyễn Thị Cẩm C tham gia, tên người chơi hụi trong Sổ hụi là VỢ NHẬT địa chỉ tại số 505/448 khu vực P, phường C, thành phố Cần Thơ. Đa số trong các dây hụi, bà C đều hốt hụi trước các hụi viên còn lại. Biết bà P đã giao đầy đủ tiền hụi cho bà C, nhưng cụ thể bao nhiêu tiền thì không nắm. Sau khi hốt các phần hụi, bà C lảng tránh, không có mặt ở địa phương. Tại địa chỉ của bà C hiện chỉ còn chồng, con bà C đang ở, sinh hoạt bình thường. Bà C ngoài là hụi viên, bà còn là chủ nhiều dây hụi tại địa phương, sau khi gom tiền của hụi viên bà cũng lảng tránh, trốn tránh không hợp tác (Tờ tường trình tại các bút lục từ 107 đến 111).

Theo yêu cầu của bà P, Tòa án thực hiện đăng tin tìm kiếm bà C vắng mặt nơi cư trú.

Tại phiên tòa, bà P rút lại yêu cầu khởi kiện về tiền vay, sẽ khởi kiện sau; giữ nguyên yêu cầu tiền hụi. Bà C vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự: Giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký tòa án cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà P tự nguyện rút yêu cầu tiền vay thuộc trường hợp đình chỉ xét xử theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Danh sách hội viên, Giấy tờ thu hội – giao hội bà P cung cấp cùng lời khai của những người làm chứng chứng minh được bà C có chơi hội của bà P, đã hót hội và nhận tiền hội đầy đủ nhưng sau đó không tiếp tục đóng hội là vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 353, Điều 357, Điều 471 Bộ luật Dân sự nên yêu cầu khởi kiện của bà P là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Chi phí đăng tin tìm kiếm, án phí dân sự sơ thẩm đương sự chịu theo quy định Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả kiểm tra, đối chiếu danh sách hội cùng lời khai của những người làm chứng Hội đồng xét xử xác định bà P, bà C tranh chấp với nhau về hợp đồng góp hội. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật Dân sự.

[2] Trường hợp xét xử vắng mặt bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành đăng tin tìm kiếm, thông báo cho bà C biết, nắm thông tin vụ kiện để hợp tác giải quyết nhưng không có kết quả. Kể từ khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà C được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với bà.

[3] Trường hợp nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Bà P rút yêu cầu khởi kiện tiền vay là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật tại các Điều 5, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với số tiền vay 130.000.000 đồng. Bà được quyền khởi kiện lại trong vụ án khác tại Tòa án có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết số tiền vay này.

[4] Về quá trình tham gia chơi hội, nợ hội: Căn cứ Danh sách hội viên, lời khai của những người làm chứng nhận thấy những người làm chứng này cũng là hội viên có tên trong Danh sách hội viên cùng với bà C chứng tỏ bà C có chơi hội, hót hội của bà P. Như vậy, quan hệ chơi hội giữa bà P với bà C đã được xác lập theo Điều 471 Bộ luật Dân sự.

[5] Về số tiền hội bà C còn nợ: Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*”. Bà P cung cấp danh sách hội viên có bà C tham gia. Lời khai những người làm chứng cũng là hội viên trong các dây hội cùng với bà C thể hiện rõ số lần hót hội, số tiền hội được giao cùng với các nội dung tin nhắn giữa bà P với bà C thể hiện bà C còn nợ tiền hội 14.000.000 đồng (dây hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 10/1/2022), 38.000.000 đồng (dây hội tháng 2.000.000 đồng mở ngày 10/02/2023), 42.000.000 đồng (dây hội tháng mở ngày

20/2/2023), 36.000.000 đồng (dây hui tháng 2.000.000 đồng mở ngày 25/3/2022), 45.000.000 đồng (dây hui tuần 300.000 đồng mở ngày 03/4/2023) và 40.900.000 đồng tiền nợ hui trước. Tổng số tiền nợ là 215.900.000 đồng. Bà **C** hốt hui, nhận đủ tiền hui nhưng sau đó trốn tránh không đóng hui là vi phạm nghĩa vụ được quy định các Điều 351, 352 Bộ luật Dân sự. Do đó, bà **C** phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà **P** tiền nợ hui 215.900.000 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[6] Về chi phí tố tụng, án phí: Ghi nhận bà **P** tự nguyện chịu chi phí đăng tin tìm kiếm (đã thực hiện xong). Bà **C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ phải thực hiện 215.900.000 đồng là 10.795.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà **P** được nhận lại tiền tạm ứng án phí 9.843.000 đồng theo Biên lai số 0006642 ngày 10/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 91, Điều 147, Điều 244, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 351, 352, 471 Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Ngô Kim P**.

Buộc bà **Nguyễn Thị Cẩm C** phải trả cho bà **Ngô Kim P** tiền nợ hui 215.900.000 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Ngô Kim P** đối với số tiền vay 130.000.000 đồng. Bà **P** có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

Ghi nhận bà **Ngô Kim P** tự nguyện chịu chi phí đăng tin tìm kiếm (đã thực hiện xong). Bà **Nguyễn Thị Cẩm C** phải chịu 10.795.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà **P** được nhận lại tiền tạm ứng án phí 9.843.000 đồng theo Biên lai số 0006642 ngày 10/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND Tp. Cần Thơ;
- VKSND KV3-Cần Thơ;
- THADS Tp. Cần Thơ;
- P. THADS KV3-Cần Thơ
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Mẫn